

Số: 165/TCKH-NS

Phong Thổ, ngày 23 tháng 7 năm 2024

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán  
ngân sách nhà nước năm 2025

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, cơ quan Đảng, Đoàn thể thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các trường học trực thuộc;
- Chi Cục thuế khu vực Phong Thổ - Sìn Hồ;
- Viện kiểm sát, Tòa án, Thi hành án, Hạt kiểm lâm; Liên đoàn lao động;
- Ban chỉ huy quân sự, Công an huyện;
- Ban quản lý dự án;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ban chỉ đạo chương trình Plan;
- Trung tâm y tế.

Thực hiện Công văn số 1317/STC-QLNS ngày 22/7/2024 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, hướng dẫn một số nội dung chủ yếu như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN NĂM 2024.**

##### **I. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**

**1. Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2024, chú ý làm rõ kết quả đạt được, các nguyên nhân khách quan, chủ quan đối với từng chỉ tiêu thu có sự tăng/giảm đột biến cụ thể như sau:**

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, gạo, giá cả vật tư là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa nông sản khác, biến động thị trường bất động sản; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật ảnh hưởng đến số thu trong năm 2024: Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15

ngày 18/12/2023; Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội và các chính sách miễn, giảm thuế do Trung ương ban hành.

**2. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế.**

- Đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2024; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2024 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2024. Đề ra giải pháp trong thời gian tới.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

**3. Đánh giá tình hình chi hoàn thuế GTGT (Trừ hoàn thuế giá trị gia tăng nộp thừa); đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật.**

Dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2024 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

**4. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.**

**5. Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2024 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.**

**6. Đánh giá tình hình thực hiện và khó khăn, vướng mắc về công tác dự toán, kiến nghị (nếu có).**

## II. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NSDP

**1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (Các phòng chủ quản chương trình; Ban quản lý dự án và UBND các xã, thị trấn).**

**1.1. Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2024 (nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, theo các chỉ tiêu:**

- Tình hình phân bổ và giao kế hoạch cho Chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 thuộc nguồn NSNN theo quy định tại Khoản 4, Điều 101, Luật Đầu tư công.

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

**1.2. Tình hình thực hiện chi ĐTPT (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2024 theo quy định), đánh giá, phân tích làm rõ nguyên nhân chậm giải ngân nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:**

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn chi cân đối NSNN: Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2024, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2025, tỷ lệ giải ngân vốn so với dự toán (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2023, kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2024, kế hoạch vốn năm 2024 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2024, kèm theo thuyết minh nguyên nhân). Số tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi các năm 2021-2023 bố trí cho các dự án đầu tư phát triển được quyết định thực hiện trong năm 2024 và nguồn dự phòng ngân sách các cấp năm 2024 (nếu có).

- Đánh giá toàn bộ các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn theo đúng quy định, đặc biệt là các dự án đã được phê duyệt quyết toán, dự án đã nộp hồ sơ quyết toán. Đánh giá tình hình thu hồi vốn ứng trước (kế hoạch vốn đã bố trí để thu hồi ứng năm 2024; số vốn ứng còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số vốn đầu tư công đã thanh toán vượt giá trị quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thu hồi nộp NSNN; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2024, dự kiến đến hết năm 2024; nguyên nhân.

**1.3. Tình hình thực hiện chi ĐTPT các năm 2021-2023**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2024, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai các năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong đó, cần làm rõ:

- Chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSĐP: Lũy kế dự toán chi đầu tư công được giao và tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân các năm 2021-2024 (bao gồm cả số giải ngân của kế hoạch được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau) so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025. Chi tiết nguồn cân đối NSĐP, ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu theo ngành, lĩnh vực. Làm rõ mức vốn đầu tư công bố trí từ

NSDP giai đoạn 2021-2024 so với kế hoạch 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, nhu cầu đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn (nếu có). Số vốn đầu tư đã được bố trí, số vốn đầu tư đã giải ngân, số vốn được phép kéo dài, số vốn cần được bố trí tiếp để hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn.

- Số dự án có nợ xây dựng cơ bản đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021-2024 để xử lý nợ xây dựng cơ bản, dự kiến bố trí số còn lại năm 2025.

- Lũy kế số vốn ứng trước được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021-2024 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi trong năm 2025. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Chi tiết NSTW, NSDP).

- Đánh giá tình hình xử lý các khoản tạm ứng quá hạn kéo dài nhiều năm chưa thu hồi đến hết tháng 6 năm 2024 (đặc biệt là các khoản tạm ứng quá hạn kéo dài nhiều năm) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2024 về việc chấn chỉnh, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn NSNN của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Báo cáo cụ thể các kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có) đối với các nội dung đánh giá nêu trên. Trong đó làm rõ các bất cập về thể chế, về tổ chức thực hiện đầu tư công:

+ Các giải pháp đã triển khai để thúc đẩy thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn theo các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

+ Đánh giá, làm rõ những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tới việc phân bổ và giải ngân, tập trung vào những nhóm vấn đề lớn như: cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, những vướng mắc đặc thù (nếu có).

+ Những kiến nghị về pháp lý và về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:**

Các phòng, ban, cơ quan đảng, đoàn thể thuộc huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các xã, thị trấn đánh giá việc thực hiện dự toán ngân sách; đánh giá kết quả thực hiện cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu năm 2024, trong đó tập trung đánh giá các nội dung sau:

### ***2.1. Các Phòng, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể, các trường học trực thuộc.***

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không còn phù hợp thực tế.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm ước thực hiện cả năm 2024: Số biên chế giảm, số học sinh hưởng chính sách giảm; kinh phí dành ra do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy; tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy (số

*lượng cán bộ giảm, số liệu giảm chi ngân sách tương ứng).*

- Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng (*trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản*), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2024 (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*)...

## **2.2. Đối với các xã, thị trấn**

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, UBND các xã, thị trấn tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn:
- Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.
- Tình hình thực hiện các đề án, nghị quyết của Tỉnh, HĐND và UBND tỉnh, huyện: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (*Ngân sách tỉnh; ngân sách huyện và các nguồn huy động khác*).
- Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, quyết toán dự án hoàn thành.

## **2.3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác năm 2024 và các năm 2021-2024.**

Các cơ quan, đơn vị dự toán NSNN, đơn vị sử dụng NSNN đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2024, các năm trong giai đoạn 2021-2024; kết quả thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2024 và khả năng hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021-2025 theo từng chương trình; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

Trong đó:

- Cơ quan chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án thành phần báo cáo kết quả xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình.
- Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách đánh giá về tình hình phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, nguồn NSTW, NSDP.
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; nguyên nhân và kiến nghị xử lý (nếu có).

## **2.4. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn ngoài nước**

2.4.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2024, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2024 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới

phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá rà soát việc giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

2.4.2. Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các cơ quan có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

2.4.3. Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2024, đánh giá việc thực hiện 04 năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

## **2.5. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024 (Các đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn báo cáo).**

2.5.1. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở các: Đơn vị, xã, thị trấn để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

2.5.2. Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu. Trong điều hành tài chính - ngân sách nhà nước năm 2024, trường hợp các: Đơn vị, xã, thị trấn có nguồn thu cân đối giảm giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách xã, thị trấn.

2.5.3. Đánh giá tình hình thực hiện các đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành; các chính sách an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn năm 2024 đối với từng chính sách có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí NSNN đã bố trí.

2.5.4. Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2024, chi tiết số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2024), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách chi an sinh xã hội theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các nhóm chính sách an sinh xã hội.

2.5.5. Báo cáo về tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2024:

- Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2024.
- Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương.
- Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương, gồm: Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người

theo chế độ) dự toán năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền giao; 70% tăng thu NSDP thực hiện năm 2023 (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; và các khoản được loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán năm 2022*); số thu được để lại theo chế độ năm 2024; nguồn cải cách tiền lương năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có), dự kiến nguồn cải cách tiền lương còn dư đến cuối năm 2024.

2.5.6. Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng NSDP quy định tại Khoản 2, Điều 10, Luật NSNN, trong đó, số bố trí dự toán đầu năm, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP, đến ngày 30/6/2024, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2024.

2.5.7. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.5.8. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

## **B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025**

### **I. YÊU CẦU XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025**

Năm 2025, là năm có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và kế hoạch tài chính đến năm 2025, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2025 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Dự toán NSNN năm 2025 được xây dựng theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện đề ra.

2. Trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công năm 2025 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực; các phòng, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án, nghị quyết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2025 trên cơ sở nguồn cân đối NSDP, nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và cả nguồn hợp pháp khác theo quy định; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

3. Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị, quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

## II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

### 1. Dự toán thu ngân sách

1.1. Dự toán thu NSNN năm 2025 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2024; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh dự kiến ban hành năm 2024. Dự toán thu năm 2025 phân đầu tăng bình quân 5-7% so với ước thực hiện năm 2024.

1.2. Tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn; đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN.

1.3. Tổng hợp và phân cấp đúng quy định đối với khoản thu thuế bảo vệ môi trường của mặt hàng xăng, dầu; tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

1.4. Dự toán thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, có tính đến tình hình thực hiện của các năm trước.

1.5. Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đơn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế giá trị gia tăng, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đơn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra, quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

1.6. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí và mức thu theo Nghị quyết HĐND tỉnh) tích cực, chi tiết từng khoản thu theo quy định; dự toán các khoản thu NSNN khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

1.7. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định: Chi Cục thuế khu vực Phong Thổ - Sìn Hồ, các đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2024, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2025 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chỉ tổng hợp phần nộp NSNN theo quy định).

1.8. Đối với khoản thu không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các địa phương (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy



*định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.*

## **2. Xây dựng dự toán dự toán chi NSDP**

### **2.1. Chi đầu tư phát triển**

2.1.1. Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn ngân sách nhà nước, đáp ứng mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2.1.2. Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo từng lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp thứ tự ưu tiên:

- Bố trí đủ dự toán năm 2025 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyên tiếp, hoàn thành trong năm 2025.

- Bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao của các dự án hoàn thành trong năm 2025.

- Bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG.

- Chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

### **2.2. Về chi thường xuyên**

- Trên cơ sở quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn pháp luật có liên quan; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 26/12/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và định mức chi dự toán thu, chi ngân sách năm 2025, các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2025, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách chi cho người dân.

- Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Đối với các nhiệm vụ về cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 6, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại Khoản 12, Điều 3, Nghị

quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025) trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016. Trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh các chính sách có liên quan, thực hiện theo các quy định được phê duyệt.

- Dự toán chi thường xuyên năm 2025 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/4/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; trong đó xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2025 so với năm 2024:

+ Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (*ngoài chi lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định, các khoản chi cho con người*) so với dự toán năm 2024, trên cơ sở hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định, tiết kiệm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: Đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị...; tăng chi từ nguồn thu sự nghiệp công; dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, thực hiện chuẩn nghèo, chi trợ cấp xã hội.

- Dự toán chi hoạt động năm 2025 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch 239-KH/TU ngày 01/3/2024 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Thông tư số 56/2022/TT-BTC, Công văn số 2043/UBND-TH ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó:

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm kinh phí cải cách tiền lương năm 2024 và kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024

của Thủ tướng Chính phủ), giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2025.

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện từng chế độ chính sách, trong đó xác định đối tượng thụ hưởng; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và chi thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh... (Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mở các lớp bồi dưỡng theo Nghị quyết: Số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022; số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh). Đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng chi tiết đối tượng, dự toán kinh phí gửi phòng Nội vụ thẩm định, tổng hợp. Đề tạo chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự toán năm 2025 đề nghị phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện sớm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 để làm cơ sở phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị ngay từ dự toán giao NSDP năm 2025. Đồng thời, khi trình tham mưu trình UBND huyện ban hành kế hoạch đề nghị phòng Nội vụ tách rõ đối tượng được hưởng chính sách, đối tượng không được hưởng chính sách để phòng Tài chính - Kế hoạch có cơ sở tham mưu UBND huyện bố trí dự toán cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo quy định.

+ Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: Duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2025 theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền (nếu có), số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2024, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2025 nêu trên. Trường hợp năm 2025 chưa có chỉ tiêu biên chế được phê duyệt, xây dựng dự toán năm 2025 theo biên chế tại Kế hoạch của cấp trên phê duyệt, quản lý biên chế cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng giai đoạn 2024-2026 (xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2024 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2025 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị). Đồng thời, tiếp tục thực hiện giảm

biên chế đối với các trường hợp đến hết năm 2024 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2024 đối với các trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2025 xác định như trên và mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: Bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/7/2024, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên mức lương cơ sở năm 2024 và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được UBND huyện có kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ hoặc tuyển dụng cán bộ, công chức, chuyên gia có kinh nghiệm theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt thì xác định quỹ lương tăng thêm của các đối tượng theo quy định.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù năm 2025 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và các quy định khác có liên quan trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, Thị trấn... theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kèm thuyết minh chi tiết.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm theo thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

- Chi thực hiện nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh; Đề án được phê duyệt: Đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các năm trước, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và năm 2024, khả năng thực hiện năm 2025, đề xuất lồng ghép thực hiện cùng với các Chương trình Mục tiêu quốc gia, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và hạn chế kết dư, chuyển nguồn sang năm sau hoặc hoàn trả Ngân sách cấp trên, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện Đề án chuyển đổi số theo Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh: Các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phải thuyết minh, làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết; tính phù hợp, đồng bộ, hiệu quả; khả năng vận hành. Đảm bảo không đầu tư chồng chéo, trùng lặp đối với các nội dung, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số; thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện các nhiệm vụ gửi phòng Văn hóa Thông tin, Văn phòng HĐND-UBND rà soát, tổng hợp và cho ý kiến bằng văn bản trước khi tổng hợp gửi phòng Tài Chính - Kế hoạch.

+ Kinh phí thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06): Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ rà soát nhu cầu kinh phí, trang thiết bị, các nhiệm vụ cấp bách, thực sự cần thiết, thiết yếu để xây dựng dự toán (thuyết minh chi tiết căn cứ pháp lý, nhiệm vụ được giao, được cấp thẩm quyền phê duyệt, xác định rõ nguồn chi từ ngân sách chi thường xuyên hay đầu tư...).

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế Nghị định .

### ***2.3. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, chương trình, dự án, đề án khác.***

- Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường học và các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP, gửi UBND huyện, cơ quan chuyên môn, phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định.

- Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

- Đối với các chương trình, dự án, đề án khác: Các Phòng, ban, ngành đoàn thể, các trường học và các xã, thị trấn căn cứ quyết định phê duyệt, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2024, các năm 2021-2024; đề xuất kinh phí thực hiện trong năm 2025, kèm theo thuyết minh chi tiết căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, lý do tăng giảm (nếu có) thực hiện lập dự toán, tổng hợp chung vào báo cáo dự toán chi thường xuyên năm 2025 chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định về quản lý Ngân sách nhà nước.

- Các cơ quan chủ Chương trình MTQG, chương trình, dự án, đề án chịu trách nhiệm toàn diện về căn cứ pháp lý, thực tiễn, đề xuất nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ và phương án phân bổ chi tiết cho từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đảm bảo đúng quy định, đầy đủ hồ sơ, thủ tục, quyết định phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đúng tính chất nguồn thường xuyên.

#### **2.4. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025**

- Các đơn vị, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể huyện tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu sự nghiệp được để lại theo chế độ quy định dành để thực hiện cải cách tiền lương.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

- Các đơn vị và UBND các xã, Thị trấn báo cáo dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương.

#### **2.5. Xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội**

Trên cơ sở kết quả thực hiện đến 30/6/2024, tổng hợp kinh phí thực hiện đảm bảo chính sách an sinh xã hội hết năm 2024, lập dự toán kinh phí năm 2025 (đối tượng, nhu cầu kinh phí thừa, thiếu nếu có) đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách đã được Trung ương và địa phương ban hành.

#### **2.6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế**

- Các đơn vị và UBND các xã, Thị trấn thực hiện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện (có thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán).

#### **2.7. Dự toán thu từ nguồn thu được để lại theo chế độ**

Các phòng, ban, ngành đoàn thể, các trường học và UBND các xã, thị trấn thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

#### **2.8. Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

Các phòng, ban, ngành đoàn thể, các trường học và UBND các xã, thị trấn được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2024 và lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2025 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn hoạt động

thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

## **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. THỜI GIAN LẬP VÀ GỬI DỰ TOÁN**

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, các trường học và UBND các xã, thị trấn đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện dự toán năm 2024 và lập dự toán NSNN năm 2025 gửi UBND huyện qua phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày **26/7/2023** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính theo đúng quy định;

### **II. VỀ HỆ THỐNG BIỂU MẪU LẬP DỰ TOÁN**

**1. Đối với các phòng, ban, ngành, cơ quan Đảng và Đoàn thể, các trường học thuộc huyện:**

- Lập biểu mẫu số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.1 đến 13.10 và 13.12 (*theo từng lĩnh vực sự nghiệp*), 14, 15.1, 15.2, 18 (các nội dung thuộc ngành, đơn vị theo dõi, quản lý) ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu kèm theo công văn này gồm 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. (*Kèm bảng lương tháng 7 năm 2024*).

**2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:**

- Lập biểu mẫu 01, 02, 03, 04, 05 ban hành theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC và biểu mẫu 28 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu kèm theo công văn này gồm 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. (*Kèm bảng lương tháng 7 năm 2024*).

**3. Chi Cục Thuế khu vực Phong Thổ - Sìn Hồ:**

Lập biểu số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

**4. Các đơn vị được hỗ trợ ngoài ngân sách căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị mình xây dựng dự toán và thuyết minh chi tiết dự toán, căn cứ văn bản áp dụng lập dự toán (Kèm theo kế hoạch tổ chức, công văn đề nghị hỗ trợ ngân sách).**

**5. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất:**

Các phòng, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện theo các mẫu số 04, 05 kèm theo Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính.

**6. Lưu ý: Để thuận lợi trong quá trình tổng hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn không thêm bớt dòng cột các biểu liên quan, nếu không có dữ liệu đề nghị ẩn dòng cột khi in. Trường hợp phải thay đổi đề nghị trao đổi lại với phòng Tài chính - Kế hoạch để thống nhất điều chỉnh chung.**

Trên đây là hướng dẫn của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phong Thổ trong việc xây dựng lập dự toán ngân sách năm 2025; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các phòng, ban, ngành, cơ quan Đảng, Đoàn thể, các trường học và UBND các xã, thị trấn phản ánh về Phòng Tài chính - Kế hoạch để phối hợp thực hiện./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu:VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Đỗ Văn Quỳnh**